

Số: /GPMT-XDMT

Nghệ An, ngày tháng 02 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
(Cấp điều chỉnh lần 01)

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ KKT ĐÔNG NAM NGHỆ AN

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025.

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Ban Quản lý KKT Đông Nam Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 2996/QĐ-UBND ngày 23/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An về việc Ủy quyền cho Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An thực hiện một số nhiệm vụ về bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản số 02/TTr/KAGE ngày 26/01/2026 của Công ty Cổ phần năng lượng xanh Ka-Grimex về việc đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường cho dự án Nhà máy sản xuất, chế biến viên nén gỗ xuất khẩu và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Xây dựng và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung Giấy phép môi trường số 21/GPMT-TNMT ngày 25/10/2023 của Trưởng Ban quản lý KKT Đông Nam Nghệ An cấp cho Công ty Cổ

phần năng lượng xanh Ka-Grimex có địa chỉ tại Khu công nghiệp Tri Lễ, xã Yên Xuân, tỉnh Nghệ An, chi tiết tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường (Cấp điều chỉnh lần 01) này. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 21/GPMT-TNMT ngày 25/10/2023.

Điều 2. Công ty Cổ phần năng lượng xanh Ka-Grimex tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số 21/GPMT-TNMT ngày 25/10/2023 và các nội dung được điều chỉnh tại phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường điều chỉnh này.

Điều 3. Giấy phép môi trường này (Cấp điều chỉnh lần 01) có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Giấy phép môi trường số 21/GPMT-TNMT ngày 25/10/2023 hết hiệu lực./.

Nơi nhận:

- Trưởng Ban (để b/c);
- Các Phó Trưởng Ban;
- UBND xã Yên Xuân;
- Công ty Cổ phần năng lượng xanh Ka-Grimex;
- Các phòng: XDMT, KHĐT;
- Trang TTĐT Ban QL KKT Đông Nam;
- Lưu: VT, HS_(Huy).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Tô Long



Phụ lục.**NỘI DUNG GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ĐIỀU CHỈNH**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-XDMT ngày /02/2026
của Ban Quản lý KKT Đông Nam)

1. Điều chỉnh, bổ sung nội dung cấp phép xả khí thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải:

Điều chỉnh, bổ sung Mục 1 và Mục 2. Phần A Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường số 21/GPMT-TNMT ngày 25/10/2023, cụ thể:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 1: Bụi, khí thải từ hệ thống lò sấy;
- Nguồn số 2: Bụi phát sinh từ công đoạn nghiền tinh;
- Nguồn số 3: Bụi phát sinh từ quá trình sản xuất.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: Tọa độ vị trí xả khí thải (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $104^{\circ}45'$, múi chiều 3^0):

- 03 vị trí tại miệng ống thoát khí của 03 hệ thống xử lý khí thải công đoạn sấy nguyên liệu sản xuất viên nén, tọa độ:

$$K1.1 \ X = 2095771(m); \quad Y = 542746(m).$$

$$K1.2 \ X = 2095766(m); \quad Y = 542754(m).$$

$$K1.3 \ X = 2095761(m); \quad Y = 542763(m).$$

- 01 vị trí tại miệng ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải sau công đoạn nghiền tinh, tọa độ:

$$K2 \ X = 2095738(m); \quad Y = 542789(m).$$

- 03 vị trí tại miệng ống thoát khí của 03 hệ thống xử lý khí thải sau quá trình sản xuất, tọa độ:

$$K3 \ X = 2095697(m); \quad Y = 542763(m).$$

$$K4 \ X = 2095713(m); \quad Y = 542737(m).$$

$$K5 \ X = 2095714(m); \quad Y = 542735(m).$$

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng số 01: Tổng lưu lượng xả thải: $130.000 \text{ m}^3/\text{h}$ (Mỗi ống thải có lưu lượng $43.333 \text{ m}^3/\text{h}$);

- Dòng số 02: Lưu lượng xả thải: $8.000 \text{ m}^3/\text{h}$;

- Dòng số 03: Lưu lượng xả thải: $4.000 \text{ m}^3/\text{h}$;

- Dòng số 04: Lưu lượng xả thải: $4.000 \text{ m}^3/\text{h}$;

- Dòng số 05: Lưu lượng xả thải: 4.000 m³/h;

2.2.2 Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B.

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị đo	QCVN19:2009/BTNMT, Cột B	Quan trắc môi trường định kỳ	Quan trắc môi trường tự động, liên tục
I	Dòng số 01		($K_v=1,4$, $K_p=0,8$)		
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	Quan trắc định kỳ 06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc môi trường tự động, liên tục
2	SO ₂	mg/Nm ³	500		
3	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850		
4	CO	mg/Nm ³	1.000		
II	Dòng số 02		($K_v=1,4$, $K_p=1$)		
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	Không thuộc đối tượng quan trắc môi trường định kì	Không thuộc đối tượng quan trắc môi trường tự động, liên tục
III	Dòng số 03 đến 05		($K_v=1,4$, $K_p=1$)		
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	Không thuộc đối tượng quan trắc môi trường định kì	Không thuộc đối tượng quan trắc môi trường tự động, liên tục

Điều chỉnh, bổ sung Mục 1 và Mục 2. Phần B Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường số 21/GPMT-TNMT ngày 25/10/2023, cụ thể:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải: Nguồn số 01 được thu gom về hệ thống xử lý khí thải số 01 để xử lý; Nguồn số 02 được thu gom về hệ thống xử lý khí thải số 02 để xử lý; Nguồn số 3 được thu gom về hệ thống xử lý khí thải số 03 đến 05 để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

1.2.3. Hệ thống xử lý khí thải số 03 đến 05:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi từ quá trình sản xuất → Hệ thống

Cyclone → Thiết bị lọc túi vải → Ống thải.

Chiều cao ống thải 03 là 5m, đường kính 0,65m.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải bắt đầu từ ngày 15/01/2026 đến ngày 28/2/2026 (Theo thời gian vận hành thử nghiệm gia hạn được Ban Quản lý KKT Đông Nam chấp thuận tại Văn bản số 131/KKT-XDMT ngày 21/01/2026).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. *Vị trí lấy mẫu*: Mẫu khí thải sau xử lý trước khi thoát ra môi trường (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3^0):

- 03 vị trí tại miệng ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải công đoạn sấy nguyên liệu sản xuất viên nén, tọa độ:

K1.1 X = 2095771(m); Y = 542746(m).

K1.2 X = 2095766(m); Y = 542754(m).

K1.3 X = 2095761(m); Y = 542763(m).

- 01 vị trí tại miệng ống thoát khí sau công đoạn nghiền tinh, tọa độ:

K2 X = 2095738(m); Y = 542789(m).

- Căn cứ điểm 1 Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025; Hệ thống xử lý khí thải số 03 – 05 có lưu lượng xả thải $4000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

2. Các yêu cầu và điều kiện kèm theo đối với nội dung điều chỉnh:

- Yêu cầu Công ty Cổ phần năng lượng xanh Ka-Grimex tiếp tục thực hiện đúng các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục này; Các nội dung khác của Giấy phép môi trường số 21/GPMT-TNMT ngày 25/10/2023; Các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các cam kết của Chủ cơ sở được nêu tại hồ sơ báo cáo đề xuất điều chỉnh giấy phép môi trường của Dự án;

- Công ty Cổ phần năng lượng xanh Ka-Grimex chịu trách nhiệm trước pháp luật về độ chính xác, tin cậy của toàn bộ dữ liệu, số liệu tính toán, các tọa độ của dự án; chịu trách nhiệm về những thông tin, số liệu đã nêu trong hồ sơ báo cáo đề xuất điều chỉnh giấy phép môi trường của Dự án./.